TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Kiểm soát nội bộ và Bảo vệ

Tháng 4 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**115**			**69.354.000**			**22**	**8.742.713**		**655.600**	**1.613.810**	**80.366.123**	**4.452.000**	**834.900**	**556.800**	**731.400**	**275.000**		**834.224**			**7.684.324**	**72.681.799**	
1	HL-01977	Trần Đại Nghĩa	Trưởng phòng	11.446.000	25	A		16.000.000			2	880.462				16.880.462	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000					1.405.900	15.474.562	
2	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	10.483.000	21	A		12.554.000			7	2.620.750		327.800	200.000	15.702.550	880.900	165.200	110.200	145.500	55.000		834.224			2.191.024	13.511.526	
3	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	10.483.000	22	A		13.600.000			5	2.015.962			480.000	16.095.962	877.100	164.500	109.700	149.000	55.000					1.355.300	14.740.662	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	10.483.000	22	A		13.600.000			5	2.015.962		327.800	733.810	16.677.572	923.600	173.200	115.500	149.000	55.000					1.416.300	15.261.272	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	10.483.000	25	A		13.600.000			3	1.209.577			200.000	15.009.577	854.700	160.300	106.900	138.900	55.000					1.315.800	13.693.777	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**87**			**38.006.000**			**15**	**3.315.346**	**76.955**	**298.000**		**41.696.301**	**1.874.000**	**351.600**	**234.300**	**385.900**	**220.000**					**3.065.800**	**38.630.501**	
6	HL-00153	Đỗ Mạnh Tường	Chuyên viên	5.609.000	22	A		10.560.000			5	1.078.654				11.638.654	448.800	84.200	56.100	110.500	55.000					754.600	10.884.054	
7	HL-06523	Dương Đình Thảo	Nhân viên	6.818.000	24	A		9.846.000			3	786.692		149.000		10.781.692	557.400	104.600	69.700	100.500	55.000					887.200	9.894.492	
8	HL-02977	Đào Thị Bích	Nhân viên	6.184.000	6	A		2.028.000								2.028.000				13.800						13.800	2.014.200	
9	HL-06190	Trần Nhật Nam	Chuyên viên	5.088.000	24	A		8.800.000			3	587.077		149.000		9.536.077	419.000	78.600	52.400	89.900	55.000					694.900	8.841.177	
10	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.609.000	11	A		6.772.000			4	862.923	76.955			7.711.878	448.800	84.200	56.100	71.200	55.000					715.300	6.996.578	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**409**		**131.137**	**131.137.000**			**58**	**12.386.960**	**35.697**	**372.500**	**2.200.000**	**146.132.157**	**7.707.300**	**1.445.700**	**964.500**	**1.360.100**	**935.000**		**751.806**	**1.104.900**	**1.274.000**	**15.543.306**	**130.588.851**	
11	HL-04220	Nguyễn Thị Quyên	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	4.950	4.950.000			2	383.231	35.697			5.368.928	398.600	74.800	49.900	48.500	55.000					626.800	4.742.128	
12	HL-00158	Bùi Văn Vượng	Đội trưởng bảo vệ	5.978.000	24	A	12.619	12.619.000			5	1.149.615		223.500	200.000	14.192.115	512.200	96.100	64.100	135.200	55.000					862.600	13.329.515	
13	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.978.000	23	A	6.435	6.435.000			6	1.379.538			200.000	8.014.538	494.300	92.700	61.800	73.700	55.000					777.500	7.237.038	
14	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.291.000	25	A	8.169	8.169.000			4	814.000			200.000	9.183.000	439.300	82.400	55.000	86.100	55.000			252.900		970.700	8.212.300	
15	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.250	8.250.000			3	610.500			200.000	9.060.500	439.300	82.400	55.000	84.800	55.000			273.000		989.500	8.071.000	
16	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	5.978.000	25	A	8.790	8.790.000			4	919.692			200.000	9.909.692	494.300	92.700	61.800	92.600	55.000			317.000		1.113.400	8.796.292	
17	HL-02826	Đinh Vĩnh Thành	Bảo vệ cơ động	5.978.000	25	A	6.480	6.480.000			3	689.769				7.169.769	478.300	89.700	59.800	65.400	55.000					748.200	6.421.569	
18	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.250	8.250.000			2	407.000				8.657.000	423.300	79.400	53.000	81.000	55.000					691.700	7.965.300	
19	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.291.000	14	A	4.950	4.950.000			3	610.500			200.000	5.760.500	439.300	82.400	55.000	51.800	55.000					683.500	5.077.000	
20	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	24	A	12.744	12.744.000			5	1.017.500		149.000	200.000	14.110.500	451.300	84.700	56.500	135.200	55.000					782.700	13.327.800	
21	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.415	8.415.000			3	610.500			200.000	9.225.500	439.300	82.400	55.000	86.500	55.000					718.200	8.507.300	
22	HL-01011	Nguyễn Văn Lễ	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.920	7.920.000			2	459.846				8.379.846	478.300	89.700	59.800	77.500	55.000					760.300	7.619.546	
23	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	20	A	5.445	5.445.000			3	610.500			200.000	6.255.500	439.300	82.400	55.000	56.800	55.000					688.500	5.567.000	
24	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.910	8.910.000			3	610.500			200.000	9.720.500	439.300	82.400	55.000	91.400	55.000					723.100	8.997.400	
25	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.291.000	21	A	5.280	5.280.000			5	1.017.500				6.297.500	423.300	79.400	53.000	57.400	55.000		751.806			1.419.906	4.877.594	
26	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.930	6.930.000			3	689.769			200.000	7.819.769	494.300	92.700	61.800	71.700	55.000			262.000	1.274.000	2.311.500	5.508.269	
27	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.600	6.600.000			2	407.000				7.007.000	423.300	79.400	53.000	64.500	55.000					675.200	6.331.800	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Khe Sim - Chung cư HR**			**340**		**120.900**	**120.900.000**			**42**	**9.202.268**		**923.800**		**131.026.068**	**6.393.400**	**1.199.300**	**799.800**	**1.226.200**	**770.000**			**863.000**		**11.251.700**	**119.774.368**	
28	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	8.168	8.168.000			2	459.846				8.627.846	478.300	89.700	59.800	80.000	55.000					762.800	7.865.046	
29	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	22	A	10.706	10.706.000			6	1.427.077		298.000		12.431.077	518.600	97.300	64.900	117.500	55.000					853.300	11.577.777	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
30	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.415	8.415.000			2	407.000				8.822.000	423.300	79.400	53.000	82.700	55.000					693.400	8.128.600	
31	HL-00279	Cao Văn Trường	Tổ trưởng cơ động	5.978.000	26	A	7.425	7.425.000			2	459.846		149.000		8.033.846	490.200	92.000	61.300	73.900	55.000					772.400	7.261.446	
32	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.978.000	26	A	10.650	10.650.000			2	459.846		178.800		11.288.646	492.600	92.400	61.600	106.400	55.000			273.000		1.081.000	10.207.646	
33	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	5.291.000	25	A	7.425	7.425.000			4	814.000				8.239.000	423.300	79.400	53.000	76.800	55.000					687.500	7.551.500	
34	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.810.000	25	A	10.080	10.080.000			3	555.000		149.000		10.784.000	396.800	74.400	49.600	102.600	55.000			273.000		951.400	9.832.600	
35	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	10.080	10.080.000			3	610.500				10.690.500	423.300	79.400	53.000	101.300	55.000					712.000	9.978.500	
36	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	5.978.000	22	A	9.744	9.744.000			6	1.379.538		149.000		11.272.538	490.200	92.000	61.300	106.300	55.000					804.800	10.467.738	
37	HL-02312	Tống Văn Đảng	NV bảo vệ	5.978.000	20	A	6.435	6.435.000			3	689.769				7.124.769	478.300	89.700	59.800	65.000	55.000			317.000		1.064.800	6.059.969	
38	HL-02396	Dương Viết Tuyến	NV bảo vệ	5.978.000	18	A	10.240	10.240.000			3	689.769				10.929.769	478.300	89.700	59.800	103.000	55.000					785.800	10.143.969	
39	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.425	7.425.000			2	407.000				7.832.000	423.300	79.400	53.000	72.800	55.000					683.500	7.148.500	
40	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	7.425	7.425.000			2	383.231				7.808.231	398.600	74.800	49.900	72.800	55.000					651.100	7.157.131	
41	HL-05488	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.682	6.682.000			2	459.846				7.141.846	478.300	89.700	59.800	65.100	55.000					747.900	6.393.946	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**753**		**256.500**	**256.500.000**	**18**	**3.795.115**	**76**	**16.291.728**	**85.853**	**476.800**		**277.149.496**	**13.906.000**	**2.608.400**	**1.739.800**	**2.588.800**	**1.705.000**	**486.200**	**705.357**	**525.900**		**24.265.457**	**252.884.039**	
42	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	Đội phó bảo vệ	5.291.000	15	A	6.300	6.300.000			3	610.500		178.800		7.089.300	437.600	82.100	54.700	65.100	55.000					694.500	6.394.800	
43	HL-02977	Đào Thị Bích	NV bảo vệ	6.184.000	19	A	4.294	4.294.000			3	713.538	47.415			5.054.953	494.800	92.800	61.900	44.100	55.000					748.600	4.306.353	
44	HL-02185	Đỗ Bích Phượng	NV bảo vệ	4.982.000	25	A	5.125	5.125.000			3	574.846	38.438			5.738.284	398.600	74.800	49.900	52.100	55.000					630.400	5.107.884	
45	HL-01495	Bùi Văn Ngạn	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.755	7.755.000			2	459.846				8.214.846	478.300	89.700	59.800	75.900	55.000					758.700	7.456.146	
46	HL-01404	Đặng Mạnh Tuấn	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	8.840	8.840.000			2	383.231				9.223.231	398.600	74.800	49.900	87.000	55.000	57.200				722.500	8.500.731	
47	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	8.866	8.866.000			3	689.769				9.555.769	478.300	89.700	59.800	89.300	55.000	57.200				829.300	8.726.469	
48	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.592	7.592.000			2	407.000				7.999.000	423.300	79.400	53.000	74.400	55.000					685.100	7.313.900	
49	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	7.590	7.590.000	6	1.221.000	2	407.000				9.218.000	423.300	79.400	53.000	86.600	55.000			273.000		970.300	8.247.700	
50	HL-00484	Nguyễn Trung Phương	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	9.074	9.074.000			2	459.846				9.533.846	478.300	89.700	59.800	89.100	55.000					771.900	8.761.946	
51	HL-00493	Hoàng Minh Hoài	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	12.298	12.298.000			2	459.846				12.757.846	478.300	89.700	59.800	121.300	55.000					804.100	11.953.746	
52	HL-00814	Nguyễn Anh Tuấn	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	6.270	6.270.000			2	459.846				6.729.846	478.300	89.700	59.800	61.000	55.000					743.800	5.986.046	
53	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	8.670	8.670.000			2	407.000				9.077.000	423.300	79.400	53.000	85.200	55.000	57.200				753.100	8.323.900	
54	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.291.000	25	A	9.804	9.804.000			4	814.000				10.618.000	423.300	79.400	53.000	100.600	55.000					711.300	9.906.700	
55	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	9.178	9.178.000			2	459.846				9.637.846	478.300	89.700	59.800	90.100	55.000	57.200				830.100	8.807.746	
56	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.260	7.260.000			2	407.000				7.667.000	423.300	79.400	53.000	71.100	55.000	28.600				710.400	6.956.600	
57	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	6.184.000	25	A	13.281	13.281.000			3	713.538				13.994.538	494.800	92.800	61.900	133.500	55.000		705.357			1.543.357	12.451.181	
58	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.592	7.592.000			2	459.846				8.051.846	478.300	89.700	59.800	74.200	55.000					757.000	7.294.846	
59	HL-03313	Ngô Văn Hoàng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	7.592	7.592.000			3	610.500				8.202.500	423.300	79.400	53.000	76.500	55.000					687.200	7.515.300	
60	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	5.291.000	19	A	9.576	9.576.000	7	1.424.500	2	407.000		149.000		11.556.500	435.300	81.700	54.500	109.900	55.000					736.400	10.820.100	
61	HL-04096	Nguyễn Khắc Kiên	NV bảo vệ	5.978.000	21	A	5.124	5.124.000	5	1.149.615	2	459.846				6.733.461	478.300	89.700	59.800	61.100	55.000					743.900	5.989.561	
62	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	26	A	8.580	8.580.000			2	459.846				9.039.846	478.300	89.700	59.800	84.100	55.000	57.200				824.100	8.215.746	
63	HL-06960	Đoàn Tuấn Anh	NV bảo vệ	4.810.000	26	A	11.596	11.596.000			2	370.000				11.966.000	384.900	72.200	48.200	114.600	55.000	57.200				732.100	11.233.900	
64	HL-07569	Bùi Thanh Giang	NV bảo vệ	4.982.000	26	A	7.755	7.755.000			2	383.231				8.138.231	398.600	74.800	49.900	76.100	55.000	57.200		252.900		964.500	7.173.731	
65	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.592	7.592.000			2	459.846				8.051.846	478.300	89.700	59.800	74.200	55.000	57.200				814.200	7.237.646	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC BCHQS	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ									Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương					BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Trừ tiền ăn	Thuế TNCN 2022	Phí ở chung cư	Trừ ăn TĐ			
66	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	10.426	10.426.000			2	407.000				10.833.000	423.300	79.400	53.000	102.800	55.000					713.500	10.119.500	
67	HL-02152	Đào Văn Bình	Tổ trưởng bảo vệ	5.978.000	17	A	6.171	6.171.000			2	459.846		149.000		6.779.846	490.200	92.000	61.300	61.400	55.000					759.900	6.019.946	
68	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	10.088	10.088.000			2	407.000				10.495.000	423.300	79.400	53.000	99.400	55.000					710.100	9.784.900	
69	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.978.000	26	A	9.672	9.672.000			3	689.769				10.361.769	478.300	89.700	59.800	97.300	55.000					780.100	9.581.669	
70	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	7.592	7.592.000			2	459.846				8.051.846	478.300	89.700	59.800	74.200	55.000					757.000	7.294.846	
71	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.291.000	23	A	7.347	7.347.000			6	1.221.000				8.568.000	423.300	79.400	53.000	80.100	55.000					690.800	7.877.200	
72	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	25	A	7.600	7.600.000			3	610.500				8.210.500	423.300	79.400	53.000	76.500	55.000					687.200	7.523.300	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**456**		**122.100**	**122.100.000**	**7**	**1.424.500**	**43**	**9.290.730**		**327.800**		**133.143.030**	**8.152.800**	**1.529.200**	**1.020.100**	**1.224.400**	**990.000**	**371.800**		**579.000**		**13.867.300**	**119.275.730**	
73	HL-00270	Vũ Văn Bình	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	5.668	5.668.000			2	459.846				6.127.846	478.300	89.700	59.800	55.000	55.000			306.000		1.043.800	5.084.046	
74	HL-00216	Đặng Tài Tuệ	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	10.270	10.270.000			2	459.846				10.729.846	478.300	89.700	59.800	101.000	55.000					783.800	9.946.046	
75	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	5.668	5.668.000			2	407.000				6.075.000	423.300	79.400	53.000	55.200	55.000			273.000		938.900	5.136.100	
76	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	6.818.000	26	A	10.941	10.941.000			2	524.462		178.800		11.644.262	559.800	105.000	70.000	109.100	55.000					898.900	10.745.362	
77	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	6.656	6.656.000			3	610.500				7.266.500	423.300	79.400	53.000	67.100	55.000					677.800	6.588.700	
78	HL-01960	Phạm Trúc Định	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	4.940	4.940.000			2	459.846				5.399.846	478.300	89.700	59.800	47.700	55.000					730.500	4.669.346	
79	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	4.940	4.940.000			2	407.000				5.347.000	423.300	79.400	53.000	47.900	55.000					658.600	4.688.400	
80	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	5.291.000	25	A	6.725	6.725.000			3	610.500				7.335.500	423.300	79.400	53.000	67.800	55.000					678.500	6.657.000	
81	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	8.736	8.736.000			2	459.846		149.000		9.344.846	490.200	92.000	61.300	87.000	55.000					785.500	8.559.346	
82	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	4.940	4.940.000			2	407.000				5.347.000	423.300	79.400	53.000	47.900	55.000					658.600	4.688.400	
83	HL-03938	Phạm Văn Giáp	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	6.448	6.448.000			2	407.000				6.855.000	423.300	79.400	53.000	63.000	55.000					673.700	6.181.300	
84	HL-05297	Đỗ Thế Trọng	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	5.668	5.668.000			2	459.846				6.127.846	478.300	89.700	59.800	55.000	55.000					737.800	5.390.046	
85	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.291.000	26	A	5.668	5.668.000			2	407.000				6.075.000	423.300	79.400	53.000	55.200	55.000					665.900	5.409.100	
86	HL-03113	Nguyễn Văn Nhiễu	NV bảo vệ	5.978.000	26	A	9.074	9.074.000			2	459.846				9.533.846	478.300	89.700	59.800	89.100	55.000	171.600				943.500	8.590.346	
87	HL-03802	Vũ Văn Hùng	Tổ trưởng cơ động	5.291.000	19	A	5.206	5.206.000	7	1.424.500	2	407.000				7.037.500	423.300	79.400	53.000	64.800	55.000					675.500	6.362.000	
88	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	23	A	7.935	7.935.000			5	1.017.500				8.952.500	423.300	79.400	53.000	84.000	55.000	143.000				837.700	8.114.800	
89	HL-03808	Trịnh Văn Minh	Tổ trưởng bảo vệ	5.291.000	26	A	6.942	6.942.000			2	407.000				7.349.000	423.300	79.400	53.000	67.900	55.000	57.200				735.800	6.613.200	
90	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiễn	Bảo vệ cơ động	5.978.000	25	A	5.675	5.675.000			4	919.692				6.594.692	478.300	89.700	59.800	59.700	55.000					742.500	5.852.192	
Tổng cộng					**2.160**		**630.637**	**737.997.000**	**25**	**5.219.615**	**256**	**59.229.745**	**198.505**	**3.054.500**	**3.813.810**	**809.513.175**	**42.485.500**	**7.969.100**	**5.315.300**	**7.516.800**	**4.895.000**	**858.000**	**2.291.387**	**3.072.800**	**1.274.000**	**75.677.887**	**733.835.288**	

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 5 năm 2022

LẬP BIỂU	PHÒNG TCNS	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**